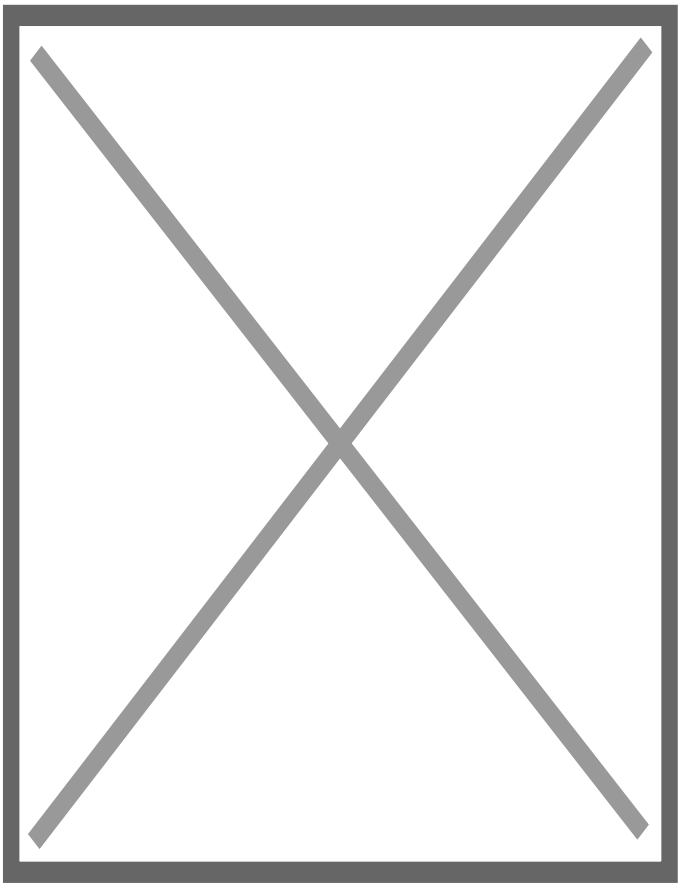
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Lược sử Tổ sư Minh Đăng Quang

ISSN: 2734-9195 16:58 06/11/2023

Nhờ tinh thần truyền thừa Chính pháp và hoằng hoá độ sinh của **Tổ sư Minh Đăng Quang** mà hiện thời trên đất nước Việt Nam đều có Tịnh Xá Đạo Tràng xương minh Chính pháp. Theo bước chân của những người con Khất sĩ, giáo pháp mà Tổ Sư dày công dựng lập lần hồi lan tỏa đến các nước Tây phương.

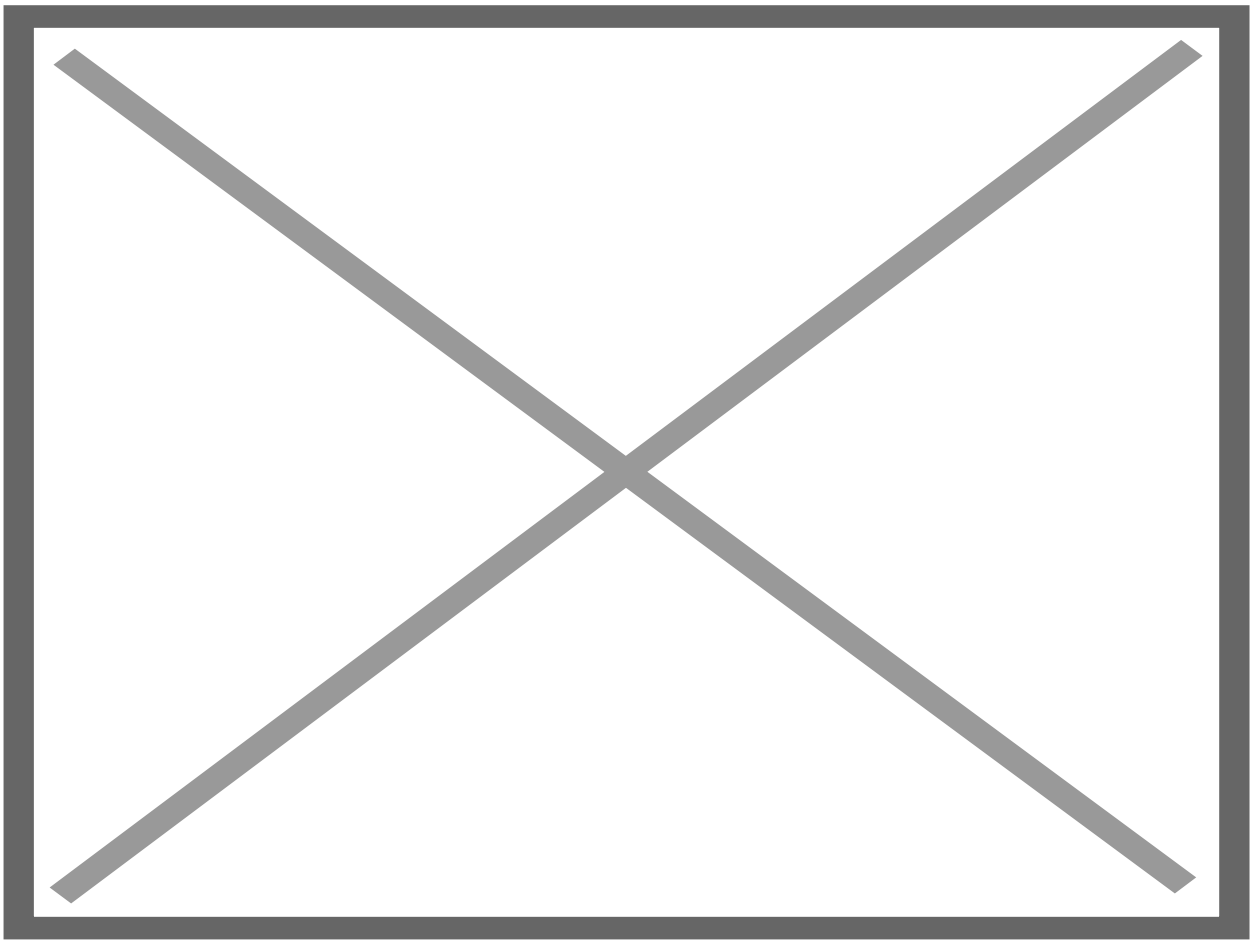


THÂN THẾ & THỜI NIÊN THIẾU

Tổ sư MINH ĐĂNG QUANG, thế danh Nguyễn Thành Đạt, tự Lý Hườn, sinh lúc 10 giờ tối ngày Tân Tỵ - 26 tháng 9 năm Quý Hợi (1923), tại làng Phú Hậu, tổng Bình Phú, quận Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, miền Nam Việt Nam, trong một gia đình thuần lương đạo đức, sống theo nếp đạo Thánh hiền, tu nhân tích đức.

Thân phụ Ngài là cụ ông Nguyễn Tồn Hiếu (1894 - 1968), thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Tỵ (còn gọi là Nhàn) (1892 - 1924). Cụ Ông và cụ Bà hạ sanh năm người con, Ngài là con út. Khác hơn bốn người con đầu, đến lượt Ngài, cụ bà mang thai 12 tháng mới khai hoa. Mười tháng sau, ngày 25 tháng 7 năm Giáp Tý (1924), cụ Bà lâm bệnh qua đời, hưởng dương 32 tuổi (sau này Ngài vắng bóng cũng năm 32 tuổi). Từ đó, Ngài được thân phụ và kế mẫu Hà Thị Song nuôi dưỡng. Ngày mùng 05 tháng Giêng năm Mậu Thân (1968), Cụ Ông thọ nạn qua đời, hưởng thọ 75 tuổi.

[caption id="attachment_20943" align="aligncenter" width="700"]



Gia đình đức Tổ sư[/caption]

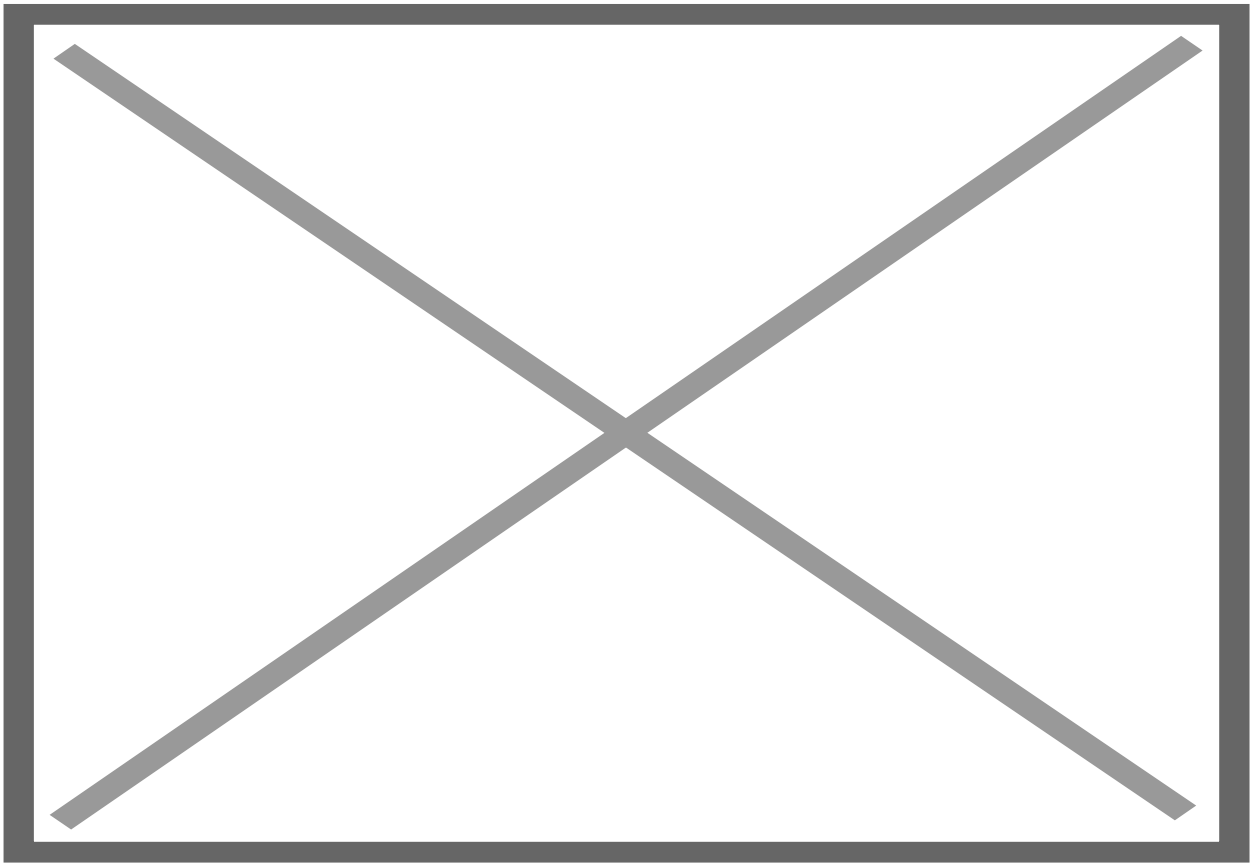
Thuở nhỏ, Ngài có trí thông minh và phong thái khác hơn những trẻ cùng thời. Cách đi, đứng, ăn, mặc, nói làm... đều thể hiện đức tính trang nghiêm điềm đạm hơn chúng bạn.

Năm 1929, gia đình dời lên Vĩnh Long, Ngài theo học tại trường Tống Phước Hiệp (nay là trường Lưu Văn Liệt). Ở trường, Ngài luôn chăm chỉ học hành, bài vở thầy dạy đến đâu, Ngài thông suốt đến đó và mỗi năm mỗi tiến phát.

Ngoài giờ học, Ngài đỡ đần công việc phụ giúp cha mẹ. Noi gương thân phụ, Ngài ăn chay mỗi tháng 10 ngày và mỗi đêm niêm hương cúng Phật. Đặc biệt,

Ngài rất thích và chú tâm nghiên cứu kinh sách các tôn giáo, nhất là tam giáo: Thích – Đạo – Nho.

[caption id="attachment_20944" align="aligncenter" width="700"]



Căn nhà nơi Đức Tổ sư Minh Đăng Quang hiện thân vào đời[/caption]

Năm 13 tuổi, vừa tốt nghiệp Sơ học của Pháp (nay là Tiểu học), Ngài xin thân phụ ngưng việc học thế gian để xuất gia tu học, nhưng thân phụ không đồng ý. Lúc này, Ngài tạo một cái thất nhỏ phía sau nhà để tu tập tham thiền. Có những buổi chiều, Ngài dành đôi ba giờ đồng hồ hướng mắt về chân trời bao la, vẻ mặt đăm chiêu về một việc quan trọng mà chưa giải quyết được.

CON ĐƯỜNG XUẤT GIA, SỰ THỬ THÁCH VÀ ĐẠO QUẢ

Sau mấy lần xin thân phụ cho xuất gia mà không được vì tình phụ tử quá thiêng liêng, vào năm 1937, khi tròn 15 tuổi, Ngài quyết tâm dõng mãnh cất bước ra đi, cắt đứt tình thân:

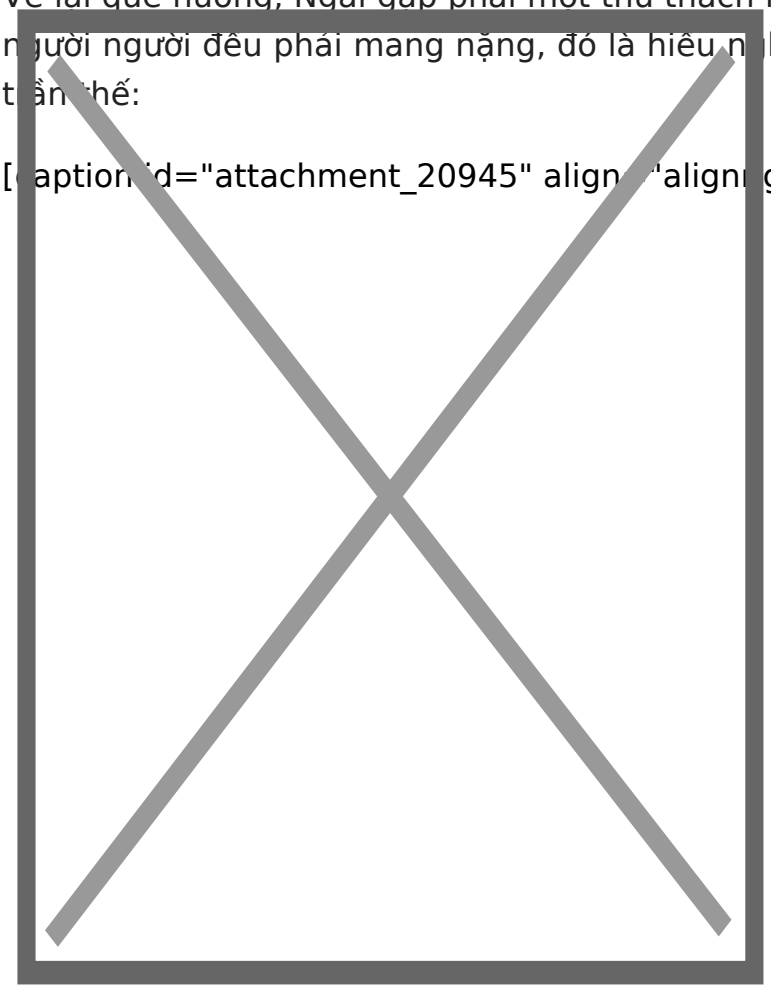
Thôi thì thôi, thế thôi thì, Vẹn nguyền, xin chịu lỗi nghì với cha. Thiếu niên ngày nọ lìa nhà, Vượt biên giới Việt – Miên xa dặm ngàn. Lên non tìm động hoa vàng, Tầm sư học đạo chốn Nam Vang thành.

Ngài rời Việt Nam đến Campuchia theo học với một vị Thầy người Hoa lai Miên nổi tiếng đạo pháp cao siêu. Trải qua những cuộc trắc nghiệm cam go, rốt cuộc

vị Thầy hoan hỷ khen ngợi và giao hết gia sản sự nghiệp cho Ngài. Bốn năm ở Campuchia, Ngài vừa làm tròn bổn phận, vừa nghiên cứu Kinh Tạng và đường lối Y-Bát chơn truyền của Phật Tăng xưa. Nhận thấy những điều thọ học nơi Thầy không thỏa mãn tâm nguyện của mình, năm 1941, Ngài xin phép trở về Việt Nam.

Về lại quê hương, Ngài gặp phải một thử thách lớn trong đời - mà khắp thế nhân người người đều phải mang nặng, đó là hiếu nghĩa song đường và nghiệp duyên trần thế:

[caption id="attachment_20945" align="alignright" width="387"]



(Tổ sư Minh Đăng Quang)

Nguyễn Thành Đạt thời thư sinh lúc 15 tuổi[/caption]

Cha già mái tóc điểm sương, Mẹ xưa dưới mộ chút hương linh này. Thôi thì theo cái xưa nay, Lập gia thất để yên mây chín từng. Nghĩa ân vành vạnh một vừng, Có nàng thục nữ khuê trung dịu dàng. Cảm ơn cứu tử ngàn vàng, Nguyện cùng xướng họa cung đàn phu thê. Phương danh nàng là Kim Huê, Quê vùng Chợ Lớn vẹn bề công dung.

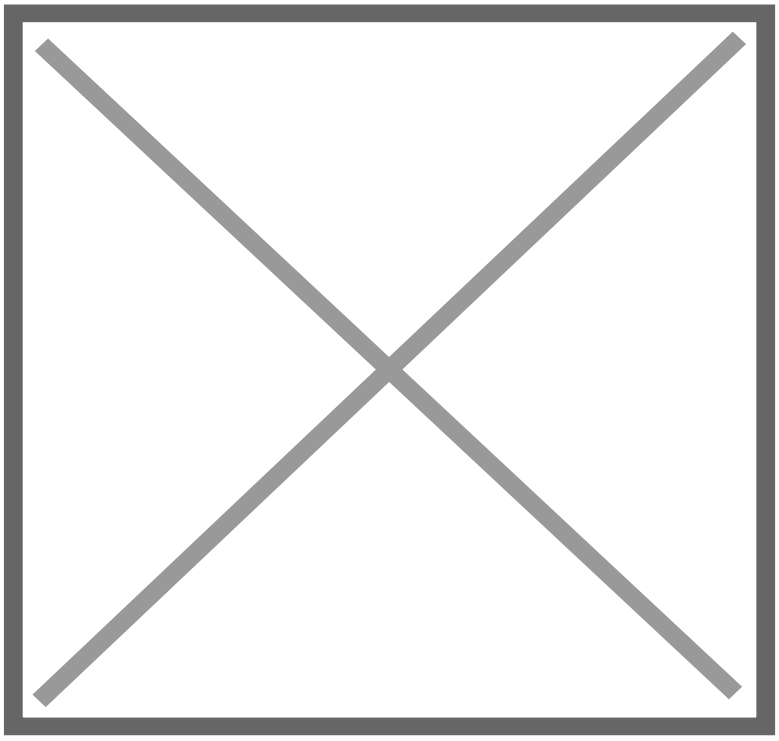
Và rồi duyên định cũng an bài. Hơn một năm sau, Kim Huê khai hoa, nở sanh một bé gái rồi giã từ trần mộng. Ngài trở về quê nhà, đem đứa bé gửi cho ông bà nội nuôi thay. Khi được ba tuổi thì đứa bé cũng mất. Điều này quả thực đúng

với ý nghĩa bi mẫu trong cõi hạ vô biên:

Gẫm trong trời đất vô cùng, Nợ duyên âu cũng nghiệp chung muôn loài. Hay là thánh ý Như Lai, Muốn cho ôn lại trọn bài đau thương? Đau thương là tính vô thường! Vô thường là tính đoạn trường xưa nay.

Bài học đau thương, vô thường và đoạn trường quả là những bài học vi diệu đã kiến tạo cõi phiền não thành cảnh giới an vui, đã giúp duyên cho người Bồ Tát tròn xong hạnh nguyện hôm nào còn dang dở.

Lần này Ngài dốc chí ôm bổn nguyện ra đi, đi một phương trời vô định, đi không bao giờ trở lại. Đầu tiên, Ngài đến Hà Tiên định lần qua Phú Quốc, rồi tìm sang các nước học đạo truyền giáo, nhưng đến nơi thì đã trễ tàu. Ngài ra đầu gành bãi biển Mũi Nai ngồi tham Thiền bảy ngày bảy đêm quán xét nhơn duyên. Trước cảnh trời đất bao la, những chiếc thuyền nhấp nhô, bọt nước tụ tán, vào một buổi chiều Đức Ngài ngộ lý vô thường, vô ngã, cảnh khổ trầm luân, đầy vơi, có không, còn mất, sống chết, khổ vui của cuộc đời. Đức Ngài tỏ sáng lý pháp "Thuyền Bát Nhã" ngược dòng đời cứu độ chúng sinh. Năm đó (1945), Đức Ngài tròn 22 tuổi.



Mãn khai vô thượng liên đài, Trang nghiêm thị hiện Như Lai tọa Thiền.

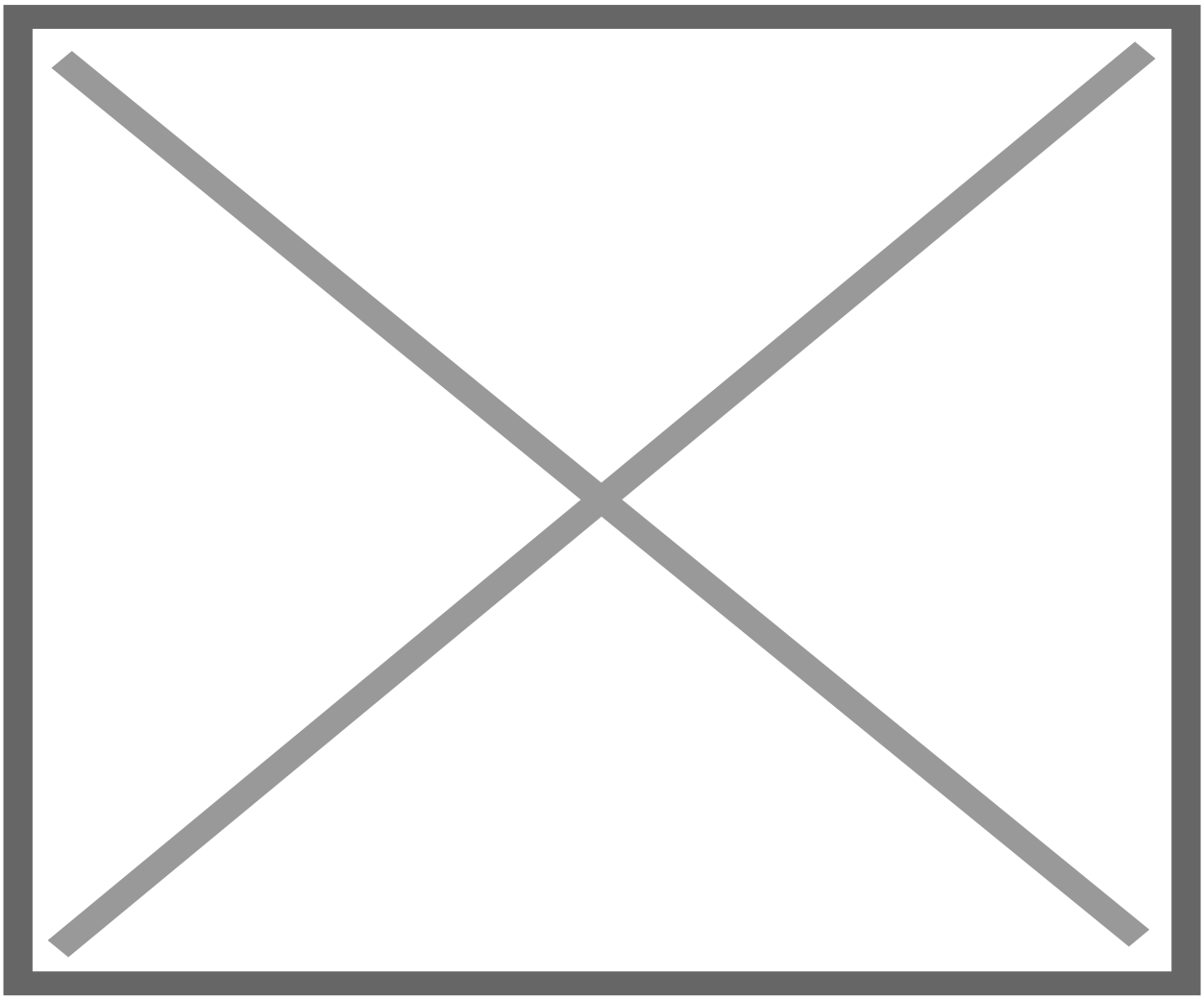
Sau khi chứng ngộ lý pháp nhiệm màu, với lòng hoan hỷ vô biên, Đức Ngài trở lại gia đình thông báo cho thân phụ và gia đình biết, rồi lại lên đường dấn thân cứu độ, con đường chuyển hoá, thanh cao, định tĩnh, từ bi và trí tuệ đã định hình rõ nét. Đức Ngài dấn thân vào vùng núi Thất Sơn, nơi có nhiều núi non

huyền bí, hang động sâu thẳm, có những bậc ẩn tu ít người thấy gặp. Đăng sơn lần này là chặng đầu tiên của một cuộc hiến dâng cả cuộc đời còn lại cho công cuộc vận hành Chánh pháp mà đức Bổn sư Thích ca tuyên thuyết. Giữa chốn núi cao chớn chở, cây lá phủ giăng bốn bề tịch lặng, chỉ nghe tiếng chim kêu vượn hú, làm bạn với cỏ cây. Đêm tham thiền tĩnh tọa, sáng mang bình bát khất thực hóa duyên theo hạnh Phật Tăng xưa. Giờ ngọ thọ trai xong, Đức Ngài trở về tìm chỗ tịch lặng để toạ thiền, kinh hành, tăng thượng đạo phong, vun bồi đạo lực.

Năm 1946, nạn chiến tranh tàn phá núi rừng vùng Thất Sơn, người tu không chỗ ở, một vị hiền sĩ thỉnh Đức Ngài về Linh Bửu Tự, làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho để tu tập và truyền bá Chánh pháp, khởi đầu cho công cuộc truyền bá Giáo Pháp Khất Sĩ. Đức Ngài tự nêu điều luật răn giới cấm, đối trước Tam Bảo phát nguyện thực hành theo 10 giới Sa-di.

THUYẾT PHÁP & TRUYỀN ĐẠO

[caption id="attachment_20947" align="aligncenter" width="700"]



Tổ sư Minh Đăng Quang thuyết pháp cho cư sĩ (1951)[/caption]

Thời pháp đầu tiên được Đức Ngài thuyết giảng là “Thuyền Bát Nhã” vào ngày Rằm tháng Tư năm 1947 tại Linh Bửu Tự, làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho. Từ đó, người dân hiền cảm mến hình ảnh một nhà sư thân đắp mảnh y vàng, tay ôm bình bát đất, đi khất thực vào mỗi buổi sáng, không nhà cửa, không gia đình quyến thuộc, không cất giữ chứa chấp món chi, không ở một nơi nào nhất định. Đức Ngài phát nguyện “Nối truyền Thích Ca Chánh Pháp”, noi gương Phật Tăng xưa sống đời phạm hạnh giải thoát:

Nhất bát thiên gia phạn Cô thân vạn lý du Dục cùng sanh tử lộ Khất hóa độ xuân thu.

Trong những tháng đầu năm 1947, Đức Ngài đã nhiếp độ đầy đủ cả hai chúng Nam Nữ cư sĩ và hai chúng xuất gia Tăng Ni Khất Sĩ.

Đức Ngài soạn thảo nghi thức tụng niệm lễ cúng, chương trình tu học, hành đạo cơ bản cho cư sĩ và Tăng Ni. Đức Ngài quan tâm giáo dưỡng, đào tạo Tăng Ni tốt về Đạo Hạnh, vững về kiến thức Chánh Pháp Phật Đà.

Sau hai năm thọ trì 10 giới Sa-di và giữ đúng theo giới luật, Đức Ngài bèn phát nguyện thọ giới Cụ túc 250 giới Tỳ kheo và tứ y pháp, được mộng điềm ứng hiện điểm hóa cho Đức Ngài, do Đức Di Đà thọ ký cái danh pháp MINH ĐĂNG QUANG.

Đầu năm 1948, Đức Ngài hướng dẫn hơn 20 Tăng Ni thực hiện chuyến du hành đầu tiên, rời Phú Mỹ, trực chỉ vùng Sài Gòn, Gia Định – Chợ Lớn. Từ đó, gót chân hành đạo của đức **Tổ sư MINH ĐĂNG QUANG**, vị Sư trưởng của Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam lan rộng ra, từ làng này sang làng khác, từ tỉnh này sang tỉnh khác.

Trong những buổi thuyết pháp, Đức Ngài kêu gọi Tăng đồ trở về với giới luật “NÊN TẬP SỐNG CHUNG TU HỌC”. Đức Ngài kêu gọi nhân loại hãy thương yêu nhau “không tự lấy để trừ tham, không tự làm để tránh ác”. Và Đức Ngài cũng khuyến khích mọi người hãy cùng chung xây dựng một cõi đời đạo đức, một xứ thiên đường, một cuộc sống an vui hạnh phúc cho nhân loại ngay tại trần gian này bằng cách:

Mỗi người phải biết chữ Mỗi người phải thuộc giới Mỗi người phải tránh ác Mỗi người phải (học đạo) làm thiện.

Những thời pháp của Đức Ngài còn ghi lại trong bộ Chơn lý (gồm sáu mươi chín tiểu luận). Đức Ngài đã khéo léo dung hợp tư tưởng giáo lý của hai tông phái Phật giáo, đưa ra con đường trung đạo Chánh Đẳng Chánh Giác... giúp cho mọi người nhận được chân giá trị của Đạo Phật.

Đức Ngài chủ trương và thường khuyến hóa chư đệ tử "Ta là tất cả, tất cả là ta, ta sống cho tất cả thì tất cả sống cho ta, tiếng ta đây là tất cả, đó tức là chơn lý vũ trụ". Người thực hành đúng chơn lý gọi là Khất sĩ. Khất ấy là xin. Sĩ đây là học. Xin ấy rồi lại cho, học đây rồi lại dạy. Xin phẩm thực để nuôi thân giả tạm, cho sự thiện lành phước đức để bảo giữ sự sống dài lâu. Học bằng cách lượm lặt phương pháp khắp nơi, rút nhiều kinh nghiệm. Cái xin, cái học, cái dạy, cái cho, các pháp nương sanh, mở ra con đường xán lạn cho tất cả về sau tiến bước. Con đường ấy kêu là Đạo. Đạo của sống là xin nhau sống chung. Đạo của biết là học chung, Đạo của Linh là tu chung. Chư Tăng, Ni xuất gia theo Đức Ngài học đạo thời bấy giờ có trên trăm vị, còn Phật tử theo quy y thọ giới tại gia cũng cả hơn vạn người. Tịnh xá được thành lập hơn 20 ngôi tại các tỉnh miền Đông và đồng bằng Sông Cửu Long.

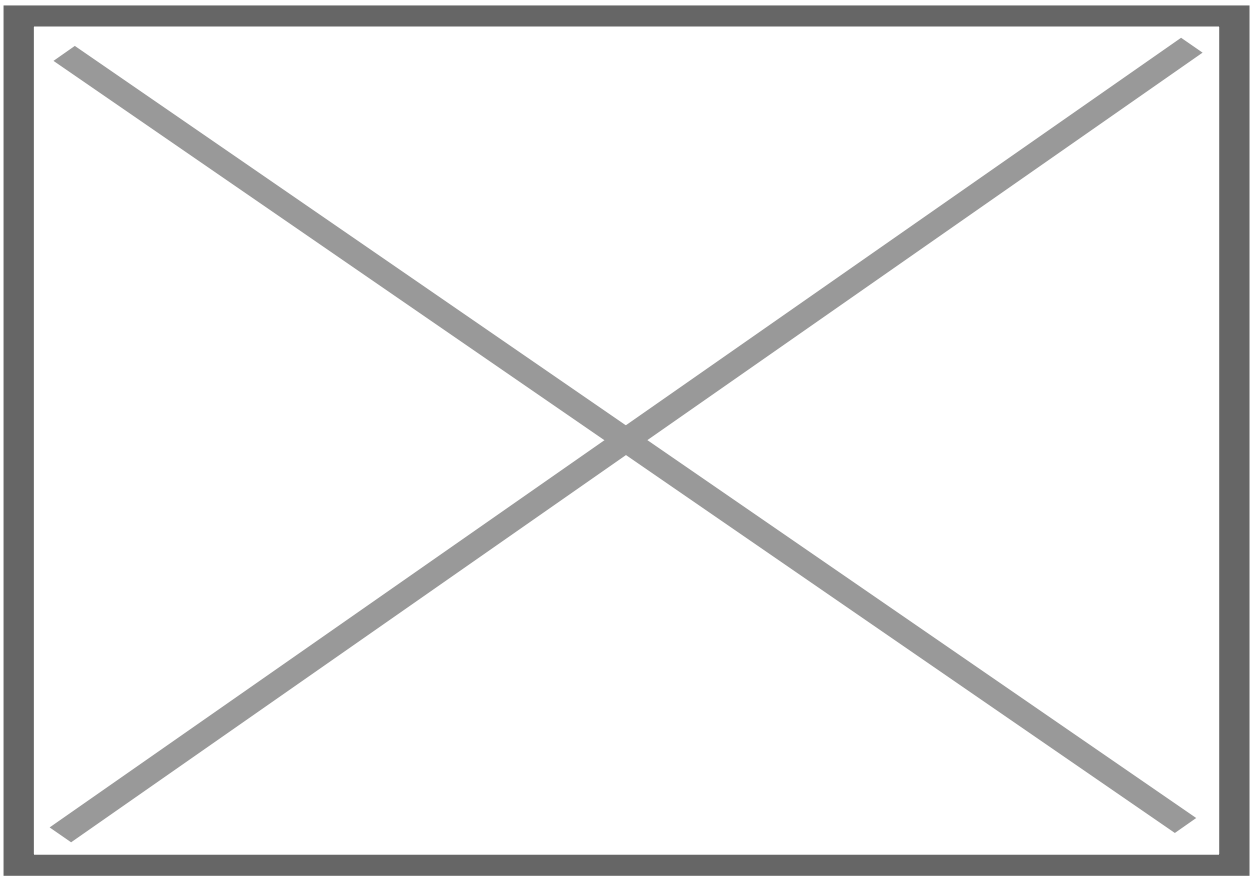
(Khi Đức Tổ sư vắng bóng, hàng đệ tử xuất gia gồm:

CHƯ TĂNG:

Giác Chánh, Giác Tánh, Giác Như, Giác Tịnh, Giác An, Giác Trụ, Giác Thần, Giác Thọ, Giác Lượng, Giác Tôn, Giác Thủy, Giác Hoằng, Giác Thanh, Giác Hạnh, Giác Hải, Giác Lập, Giác Nhơn, Giác Hòa, Giác Đức, Giác Nguyên. Giác Thường, Giác Thống, Giác Duyên, Giác Giới, Giác Lý, Giác Nhiên, Giác Phải, Giác Hùng, Giác Nhựt, Giác Lương, Giác Tân, Giác Ẩn, Giác Trung, Giác Sơn, Giác Bảo, Giác Trí, Giác Ý, Giác Thành, Giác Nghiêm, Giác Hương, Giác Hiếu, Giác Quí, Giác Đạo, Giác Chơn, Giác Pháp, Giác Hành, Giác Hồng, Giác Bửu, Giác Hội…

CHƯ NI:

Huỳnh Liên, Bạch Liên, Thanh Liên, Kim Liên, Ngân Liên, Chơn Liên, Quang Liên, Tạng Liên, Trí Liên, Đức Liên, Bửu Liên, Hồng Liên, Thiện Liên, Thành Liên, Giác Liên, Diệu Liên, Vân Liên, Tràng Liên, Tánh Liên, Quảng Liên, Nghiêm Liên, Châu Liên, Hưng Liên, Tuệ Liên, Hà Liên, Viên Liên, Đàn Liên, Ngoạt Liên…)



THỜI KỲ THỌ NẠN & VẮNG BÓNG

hiều ngày 30 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (1954) khi ánh mặt trời vừa lắng dịu, tại Tịnh xá Ngọc Quang - Sa Đéc, Đức Ngài chậm rãi qua lại bên tàng cây bã đậu với dáng vẻ suy tư... cho đến khi mặt trời vừa lặn. Đức Ngài gọi Chư Tăng đệ tử lấy đệm trải dưới gốc cây Bồ Đề, ân cần dạy bảo về sự tu học và sự mở mang mối đạo. Đức Ngài cũng cho biết tương lai Đạo Phật tại Việt Nam và các nước. Đức Ngài từ giã chư đệ tử để đi tu tịnh tại núi "Lửa" một thời gian. Chư Tăng đệ tử xin theo, Đức Ngài không cho mà còn dặn rằng: "Các con hãy ở lại mở mang mối đạo, giáo hóa chúng sanh đền ơn Chư Phật, ấy là các con theo Thầy và làm vui lòng thầy nơi xa vắng, rồi một ngày kia Thầy sẽ trở về".

Sáng mùng 01 tháng Hai, Đức Ngài với vị sư già và chú điệu từ Tịnh xá Ngọc Quang – Sa Đéc qua Tịnh Xá Ngọc Viên - Vĩnh Long, rồi qua tiếp Cần Thơ. Nhưng khi đến Cái Vồn (Bình Minh) thì bị một số người ngoại đạo bắt đi biệt tích. Bấy giờ chư đệ tử mới biết rõ ý nghĩa lời nói của Đức Ngài đi tu tịnh núi "Lửa". Đó là lời cảm nhận mầu nhiệm của Tổ sư. Rồi từ đó đến nay bóng Đức Ngài bặt vô âm tín. Mấy chục năm dài trôi qua. Mấy chục mùa Xuân biền biệt. Mấy chục mùa mai vàng rơi rụng chia sẻ nỗi niềm của hàng vạn con tim hiếu kính thương nhớ Tổ Thầy:

Mỗi năm mỗi thắp hương lòng Cầu cho Sư Tổ thoát vòng tai ương Trở về bên mái Phật đường Chuyển pháp luân độ mười phương an lành Trái oan là nghiệp chúng sanh Nạn tai là chuyện phải đành mà thôi Đành rồi, hóa giải tức thời Khổ đau sẽ hết, nụ cười thêm xinh Minh Đăng Quang bóng an bình, Minh Đăng Quang ngọn đèn linh ta bà. Hằng năm, hàng môn đồ tứ chúng đệ tử luôn cầu nguyện và tâm niệm: Minh Đăng Quang bóng an bình, Minh Đăng Quang ngọn đèn linh ta bà.

KẾT LUẬN

Từ lâu, chúng ta đã thấu hiểu lời dạy quý báu và sâu xa của Đức Thế Tôn: "Dù người ta có giết thầy mình, mình cũng không nên giết lại". Và lời dạy thấm thía vi diệu nhất đối với chúng ta hôm nay vẫn là "Kẻ nào cột oan trái rằng – họ đã giết ta, đã đánh ta, đã thắng ta, đã cướp của ta, oan trái của người ấy không bao giờ dứt. Người nào không cột oan trái như thế, thì oan trái của người ấy sẽ dứt. Và từ cổ chí kim, oan trái không bao giờ dứt được bởi sự cột oan trái. Oan trái chỉ dứt được bởi sự không cột oan trái".

Hiểu một cách vững chắc như vậy, chúng ta sẽ thấy mình rất hạnh phúc khi được trả nghiệp. Huống hồ chúng ta còn giác ngộ hơn, khi Đức Tổ Sư xem đây là từng mức thử thách cần phải trả, cần phải vượt qua để làm nên đạo Bồ Đề:

Quỳnh trong nước mắt, sen trong lửa Phút nhập thần sương bạc khói lam Chia nẻo khói sương về tới đích Cả hai cùng hiện một hoa đàm.

Dấn thân vào cõi tử sanh, hòa điệu để được trả nghiệp mà cũng là phương pháp chuyển hóa nghiệp, nhân đối diện hầu tạo hạnh phúc an vui cho khắp vạn loài. Đây là tinh thần xả kỷ lợi tha của Chư Bồ Tát, là tinh thần từ bi hỷ xả của chư Phật mà đạo Phật Khất sĩ Việt Nam tiếp tục truyền thừa.

Nhờ tinh thần truyền thừa Chánh pháp và hoằng hoá độ sinh của Tổ sư mà hiện thời trên đất nước Việt Nam đều có Tịnh Xá Đạo Tràng xương minh Chánh pháp. Theo bước chân của những người con Khất sĩ, giáo pháp mà Tổ Sư dày công dựng lập lần hồi lan tỏa đến các nước Tây phương.

Hằng năm vào ngày mùng 01 tháng Hai Âm lịch, khắp các miền, các quốc độ gần xa, nơi nào có Đạo Tràng Tịnh Xá là nơi đó có hàng trăm, hàng ngàn môn đồ đang tưởng nhớ thâm ân cao cả của Tôn Sư.

Dù Đức Ngài đã đi xa, nhưng tấm lòng của người đệ tử hiếu đạo trung kiên không khi nào xa vắng. Những người con trong ngôi nhà Khất sĩ nguyện ghi vào tâm khảm đời đời tấm gương Bi – Trí – Dũng của Tôn Sư để làm rạng rỡ Tông môn Pháp phái.

Từ ngàn trước bao người dong ruổi Nay chốn này đến buổi chúng ta Con giòng hưởng lấy tài gia Đoái nhìn sự nghiệp thương cha công trình. Càng rộng lớn kinh dinh đồ sộ Là người xưa lao khổ lại càng Tìm ra được ánh đạo vàng Nhọc nhằn một kẻ, vẻ vang muôn người Ôi thật đáng cho đời kính ngưỡng Công đức Ngài vô lượng vô biên Hỡi chư Phật tử hữu duyên Nhớ ơn Thầy Tổ cần chuyên tu hành.

Theo: **Tập san Đuốc Sen 32**